

# NGHIÊN CỨU MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐÁNH GIÁ ỨNG PHÓ, HÀNH VI TỰ BẢO VỆ VÀ Ý ĐỊNH DU LỊCH CỦA DU KHÁCH NỘI ĐỊA TRONG ĐIỀU KIỆN BÌNH THƯỜNG MỚI Ở THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Nguyễn Thị Thuý Vân<sup>1\*</sup>, Bùi Thị Bảo Trân<sup>2</sup> và Trần Hữu Tuấn<sup>3</sup>

<sup>1</sup>Khoa Quản lý sự kiện và Công nghệ Truyền thông,

Trường Du lịch, Đại học Huế, Việt Nam

<sup>2</sup>Bộ môn Du lịch - Nhà hàng và Khách sạn,

Trường Cao Đẳng FPT Polytechnic, Cơ sở Cần Thơ, Việt Nam

<sup>3</sup>Khoa Lữ hành, Trường Du lịch, Đại học Huế, Việt Nam

\*Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Thuý Vân, Email: [ngththuyvan@hueuni.edu.vn](mailto:ngththuyvan@hueuni.edu.vn)

## Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 15/8/2023; Ngày nhận chỉnh sửa: 19/9/2023; Ngày duyệt đăng: 28/9/2023

## Tóm tắt

Thuyết động cơ bảo vệ (Protection Motivation Theory - PMT) đã được vận dụng trong nhiều nghiên cứu ở các lĩnh vực khác nhau, trong đó có du lịch. Nghiên cứu này nhằm khám phá mối quan hệ giữa đánh giá ứng phó (năng lực bản thân và hiệu quả đáp ứng) với hành vi tự bảo vệ và ý định đi du lịch của du khách nội địa trong điều kiện bình thường mới (hậu Covid-19) ở thành phố Cần Thơ. Nghiên cứu tiến hành khảo sát 315 khách du lịch nội địa có ý định đi du lịch đến Cần Thơ trong điều kiện bình thường mới và sử dụng mô hình phương trình cấu trúc dựa trên hiệp phương sai (CB-SEM) để phân tích và xử lý số liệu. Kết quả nghiên cứu cho thấy có mối quan hệ cùng chiều giữa đánh giá ứng phó với hành vi tự bảo vệ và ý định đi du lịch của du khách nội địa. Qua đó nghiên cứu cho thấy rõ hơn hành vi của du khách nội địa trong bối cảnh bình thường mới hậu Covid-19, từ đó một số hàm ý quản trị được đưa ra nhằm thu hút khách du lịch nội địa đến Cần Thơ trong tương lai.

**Từ khóa:** Bình thường mới, đánh giá ứng phó, hành vi tự bảo vệ, thuyết động cơ bảo vệ (PMT), ý định du lịch.

DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.13.6.2024.1274>

Trích dẫn: Nguyễn, T. T. V., Bùi, T. B. T., & Trần, H. T. (2024). Nghiên cứu mối quan hệ giữa đánh giá ứng phó, hành vi tự bảo vệ và ý định du lịch của du khách nội địa trong điều kiện bình thường mới ở thành phố Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(6), 54-67. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.6.2024.1274>.

Copyright © 2024 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

# THE RELATIONSHIP BETWEEN COPING APPRAISAL, SELF-PROTECTION BEHAVIORS AND TRAVEL INTENTION OF INBOUND TOURISTS IN THE NEW NORMAL IN CAN THO CITY

Nguyen Thi Thuy Van<sup>1\*</sup>, Bui Thi Bao Tran<sup>2</sup>, and Tran Huu Tuan<sup>3</sup>

<sup>1</sup>*Event Management and Information Technology Department,  
School of Hospitality and Tourism, Hue University, Vietnam*

<sup>2</sup>*Tourism, Hotel and Restaurant Faculty, Can Tho FPT Polytechnic, Vietnam*

<sup>3</sup>*Travel Management Department, School of Hospitality and Tourism, Hue University, Vietnam*

\*Corresponding author: Nguyen Thi Thuy Van, Email: [ngththuyvan@hueuni.edu.vn](mailto:ngththuyvan@hueuni.edu.vn)

## Article history

*Received: 15/8/2023; Received in revised form: 19/9/2023; Accepted: 28/9/2023*

## Abstract

*Protection motivation theory (PMT) has been applied in multidisciplinary studies, including tourism. This study was conducted to examine the relationship between coping appraisal (self-efficacy and responsive efficacy), self-protective behavior and travel intention of inbound tourists in the context of new normal (post-Covid-19) in Can Tho city. It surveyed 315 tourists intending to visit Can Tho city under the new normal condition and used the CB-SEM structural modeling method to analyze the data. The research results show that there is a positive relationship between coping appraisal with self-protective behavior and intentions. Thereby the research shows more clearly the behavior of domestic tourists in the context of new normal (post-Covid-19), from which some governance implications are given to be utilized.*

**Keywords:** *Coping appraisal, new normal, protection motivation theory (PMT), self-protective behavior, travel intention.*

## 1. Đặt vấn đề

Đại dịch Covid-19 đã tác động rất lớn đến sự phát triển kinh tế-xã hội của thành phố Cần Thơ nói riêng và Việt Nam nói chung, trong đó, ngành du lịch là một trong những ngành chịu tác động trực tiếp và thiệt hại nặng nề. Theo số liệu thống kê của Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam năm 2020, khách du lịch đến thành phố Cần Thơ chỉ đạt 5.605.865 lượt, giảm 36,8% so với cùng kỳ, đạt 60,9% kế hoạch năm. Tổng thu từ du lịch đạt 3.169 tỉ đồng, giảm 28,6% so với cùng kỳ năm 2019, đạt 62,1% kế hoạch năm. Đến năm 2021, tổng lượt khách du lịch đến thành phố ước đạt 2.135.800 lượt, tổng thu từ du lịch ước đạt 1.503 tỉ đồng. Các con số trên đã cho thấy sự suy giảm nặng nề của ngành du lịch thành phố Cần Thơ do sự ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch Covid-19.

Một tín hiệu đáng mừng khi đại dịch Covid-19 tại Việt Nam đã dần được kiểm soát và đang dần chuyển sang trạng thái “bình thường mới” (hậu Covid-19) trong năm 2022. Kết quả, sau khi gỡ bỏ mọi hạn chế đi lại, Hiệp hội Du lịch thành phố Cần Thơ cho biết năm 2022 tổng lượt khách tham quan, du lịch đạt 5.134.605 lượt, tăng 142% so với cùng kỳ, đạt 128% kế hoạch năm. Các doanh nghiệp lưu trú phục vụ 2.508.305 lượt, tăng 179% so với cùng kỳ, đạt 125% kế hoạch năm. Đây là những con số cho thấy ngành du lịch Cần Thơ đang dần dần trở mình và hồi phục sớm trong tương lai.

Tuy nhiên một trong những lo ngại lớn nhất của ngành du lịch hiện nay nói chung và du lịch thành phố Cần Thơ nói riêng là ảnh hưởng về tâm lý và hành vi của du khách đến ý định đi du lịch của du khách trong bối cảnh bình thường mới hậu Covid-19. Do ảnh hưởng đại dịch, ý định đi du lịch đối với một điểm du lịch của du khách sẽ có sự thay đổi, đó có thể là sự thay đổi về cả khả năng ứng phó của bản thân du khách cũng như các hành vi tự bảo vệ bản thân mình trước các nguy cơ và ảnh hưởng của đại dịch Covid-19.

Liên quan đến các lý do này, có nhiều nghiên cứu về quản lý khủng hoảng liên quan đến sức khỏe trong du lịch với bối cảnh các dịch bệnh trong quá khứ. Trong đó, các nghiên cứu được chia thành ba luồng chính, bao gồm đánh giá tác động đối với ngành du lịch (Au & cs., 2005; Zeng & cs., 2005), dự báo nhu cầu du lịch (Kuo & cs., 2008; Tang và Wong, 2009), và đánh giá tác động đến hành vi của khách du lịch (Cahyanto & cs., 2016; Wen & cs., 2005).

Trong bối cảnh khủng hoảng sức khỏe cộng đồng, mọi người có thể tạo ra một cơ chế gọi là động lực bảo vệ bản thân (Rogers, 1975) và sử dụng các chiến lược ứng phó khác nhau để ứng phó với nỗi sợ hãi do bệnh truyền nhiễm gây ra. Hơn nữa, các nghiên cứu chỉ ra rằng việc ứng phó với nỗi sợ hãi có thể làm tăng khả năng phục hồi của các cá nhân, giúp giảm bớt những mất mát có thể cảm nhận được và cải thiện khả năng thích ứng với thảm họa (Rodriguez-Llanes & Guha-Sapir, 2013) và là một phản ứng cảm xúc nguyên thủy trước một mối đe dọa, nỗi sợ hãi không lường và khó đoán hơn rủi ro (Fennell, 2017). Chưa đầy một năm sau khi đại dịch Covid-19 bùng phát, đã có một số nghiên cứu tập trung vào nhận thức rủi ro du lịch (Godovykh & cs., 2021; Rather, 2021), ý định du lịch sau đại dịch (Boto-García & Leoni, 2021; Shin & cs., 2022) và sự thay đổi hành vi của khách du lịch tiềm năng (Kement & cs., 2022; Li & cs., 2021). Tuy nhiên, chưa có nghiên cứu nào đề cập đến mối quan hệ giữa hành vi tự bảo vệ bản thân với ý định đi du lịch khi đại dịch Covid-19 đã được khống chế và ngành du lịch đã dần phục hồi.

Do đó, nghiên cứu được thực hiện để tìm hiểu và phân tích mối quan hệ giữa hành vi tự bảo vệ bản thân với ý định đi du lịch của du khách trong giai đoạn bình thường mới ở thành phố Cần Thơ. Qua đó thấy rõ hơn hành vi của du khách nội địa trong bối cảnh bình thường mới hậu Covid-19, từ đó một số hàm ý quản trị được đưa ra nhằm thu hút khách du lịch nội địa đến Cần Thơ trong tương lai.

## 2. Tổng quan lý thuyết

### 2.1. Đánh giá ứng phó (Coping appraisal)

Rogers (1975) đã giới thiệu Thuyết động cơ bảo vệ - PMT (Protection Motivation Theory), trong đó khái niệm hóa động lực của các cá nhân để tham gia vào các hành vi bảo vệ với sự hiện diện của một kích thích mối đe dọa. Trong cách tiếp cận phân chia của PMT, quyết định về việc có nên tham gia vào các hành vi bảo vệ hay không được điều chỉnh bởi hai quá trình nhận thức riêng biệt - đánh giá mối đe dọa và dọa (Threat appraisal) đánh giá đối phó (Coping appraisal) (Rogers, 1983). Trong đó, đánh giá đe dọa là sự kết hợp giữa mức độ nghiêm trọng được nhận thức (nhận thức về mức độ tổn hại) và nhận thức về tính dễ bị tổn thương (nhận thức về khả năng một người sẽ gặp tổn hại) liên quan đến tình huống.

Trong khi đó, đánh giá ứng phó là quá trình mà một cá nhân đánh giá cách thức làm thế nào để ứng phó với một mối đe dọa thông qua hiệu quả đáp ứng (Responsive efficacy) và năng lực bản thân (Self-efficacy). Hiệu quả đáp ứng đề cập đến khả năng nhận thức của một cá nhân để thực hiện các phản ứng hành vi nhất định nhằm giảm thiểu hoặc loại bỏ mối đe dọa. Trong khi đó, năng lực bản thân đề cập đến sự tự tin của một cá nhân vào khả năng thực hiện các hành vi được khuyến nghị (Rogers, 1975). Hai hình thức đánh giá này gợi lên động cơ bảo vệ của một cá nhân và có thể dẫn đến các hành vi ứng phó khác nhau (tức là phản ứng thích nghi và phản ứng không thích nghi).

## 2.2. Hành vi tự bảo vệ (Self-protective behavior)

Ehrlich và Becker (1972) định nghĩa hành vi tự bảo vệ là một hành vi ngăn chặn được người tiêu dùng sử dụng để giảm khả năng xảy ra kết quả bất lợi hoặc như một hành động được thực hiện để giảm tổn thương trước rủi ro. Taylor (1974) cũng chỉ ra rằng một hành vi tự bảo vệ là một chức năng tương ứng của nhận thức rủi ro được người tiêu dùng nhận thấy. Nhận thức rủi ro được xác định bởi sáu loại trong đó Kaplan và Jacoby (1974) mô tả năm loại là rủi ro về tài chính, hiệu suất, thể chất/sức khỏe, tâm lý và xã hội và Roselius (1971) xác định một rủi ro khác là rủi ro về thời gian. Trong số sáu loại rủi ro, hiện tại nghiên cứu tập trung vào rủi ro sức khỏe mà du khách nội địa nhận thức được liên quan đến ý định đi du lịch của họ trong bối cảnh bình thường mới hậu Covid-19.

Trong lĩnh vực du lịch, một số công trình liên quan đến chủ đề này như nghiên cứu của Ryu & cs. (2023) bàn về hành vi tự bảo vệ của người dân địa phương khi chấp nhận du khách quốc tế sau khi điếm đến mở cửa trở lại sau dịch Covid-19 hay hành vi tự bảo vệ của du khách khi tham quan các bảo tàng trong dịch Covid-19 (Zhao & Cheng, 2022).

## 2.3. Thuyết Động cơ bảo vệ (Protection Motivation Theory)

Trên thực tế có rất nhiều mô hình và lý thuyết đã được phát triển và áp dụng để xem xét hành vi sức khỏe của các cá nhân. Có thể kể đến như Mô hình niềm tin sức khỏe (Health Belief Model), Lý thuyết nhận thức xã hội (Social Cognition Theory) và Lý thuyết về hành vi có kế hoạch (Theory of Planned Behavior) (Conner & Norman, 2005). Trong số đó,

Động cơ bảo vệ được xem là một trong những lý thuyết được áp dụng phổ biến và rộng rãi (Floyd & cs., 2000).

Thuyết động cơ bảo vệ được Rogers (1975) đề xuất như một lý thuyết chính trong các nghiên cứu về rủi ro sức khỏe. PMT đưa ra giả thuyết rằng động lực để bảo vệ bản thân khỏi một mối đe dọa hoặc nguy hiểm có mối quan hệ thuận chiều với nhận thức của cá nhân khi nhận thấy rằng mối đe dọa là nghiêm trọng; cá nhân dễ bị đe dọa; biện pháp ứng phó được khuyến nghị là có hiệu quả trong việc ngăn chặn đe dọa hoặc nguy hiểm; và cá nhân có thể thực hiện các biện pháp ứng phó (Gebrehiwot & Veen, 2015).

Thuyết động cơ bảo vệ bao gồm các biến đánh giá về mối đe dọa và ứng phó, giải thích sự tránh né và ý định bắt đầu trong các hành vi bảo vệ (Al-Rasheed, 2020). Trong hầu hết các nghiên cứu liên quan đến PMT, các biến số về mức độ nghiêm trọng, tính dễ bị tổn thương, hiệu quả đáp ứng, năng lực bản thân và chi phí phản ứng được sử dụng chủ yếu (Norman & cs., 2005). Hiệu quả đáp ứng và năng lực bản thân nâng cao xác suất một người sẽ thể hiện các hành vi bảo vệ hiệu quả. Quá trình đánh giá mối đe dọa, đánh giá mức độ nghiêm trọng và tính dễ bị tổn thương của mối đe dọa, giải thích tác hại tiềm ẩn của một cá nhân đối với chính họ hoặc những người khác khi họ không thực hiện hành động nào. Sự khác biệt giữa cảm nhận về mức độ nghiêm trọng của mối đe dọa và mức độ dễ bị tổn thương làm tăng nhận thức về rủi ro và khả năng lựa chọn các hành vi thích ứng, chẳng hạn như việc thực hiện các hành vi bảo vệ Covid-19 (Arroyo-López & cs., 2021). Mức độ nghiêm trọng được nhận thức cao và mức độ dễ bị tổn thương liên quan đến việc đánh giá mối đe dọa, cùng với mức độ tự hiệu quả và hiệu quả đáp ứng cao, củng cố ý định thực hiện hành vi bảo vệ (Arroyo-López & cs., 2021).

## 2.4. Ứng dụng thuyết động cơ bảo vệ trong lĩnh vực nghiên cứu du lịch

Có khá nhiều nghiên cứu ứng dụng PMT vào lĩnh vực du lịch và lữ hành (Law, 2006; Slevitch & Sharma, 2008), cụ thể được phân tích dưới các khía cạnh sau:

*Thứ nhất*, một trong những trọng tâm đáng chú ý nhất liên quan đến nghiên cứu PMT trong du lịch là nhận thức về rủi ro của khách du lịch. Mặc dù có



khá nhiều nghiên cứu về nhận thức rủi ro PMT và các nghiên cứu tâm lý và sức khỏe khác (Maddux & Rogers, 1983; Rogers, 1975), nhưng trong du lịch về cơ bản nó liên quan đến hai khía cạnh: nhận thức mức độ nghiêm trọng (perceived severity) và nhận thức tính tổn thương (perceived vulnerability) (Conner & Norman, 2005). Tuy nhiên, nghiên cứu rủi ro du lịch ban đầu có xu hướng chỉ tập trung vào một khía cạnh. Một số chỉ tập trung vào nhận thức tính tổn thương, xem xét khả năng xảy ra các rủi ro trong sự kiện (Schroeder & cs., 2013), trong khi những người khác chỉ đo lường mức độ nghiêm trọng mà khách du lịch cảm nhận được hoặc giải quyết hậu quả nghiêm trọng của rủi ro (Law, 2006). Chính sự không nhất quán trong các nghiên cứu về rủi ro du lịch dẫn đến khó khăn trong việc đưa lý thuyết vào thực tế (Yang & Nair, 2014).

*Thứ hai*, hầu hết các nghiên cứu về rủi ro trong du lịch có sử dụng PMT xem ý định du lịch của du khách là biến số kết quả (Law, 2006; Slevitch & Sharma, 2008). Mãi cho đến gần đây, các nghiên cứu về du lịch mới tập trung vào ý định thực hiện các hành vi phòng ngừa của du khách (Fisher & cs., 2018; Wang & cs., 2018). Mặc dù ý định hành vi có thể chỉ ra các hành vi thực tế của một người, nhưng nó có thể không phải lúc nào cũng chính xác như mong đợi (Stacks & Michaelson, 2010). Ngoài ra, thuyết PMT đề xuất sự chuyển đổi giữa ý định và hành vi. Do đó, việc đo lường hành vi thực tế của khách du lịch rất quan trọng đối với nghiên cứu rủi ro du lịch.

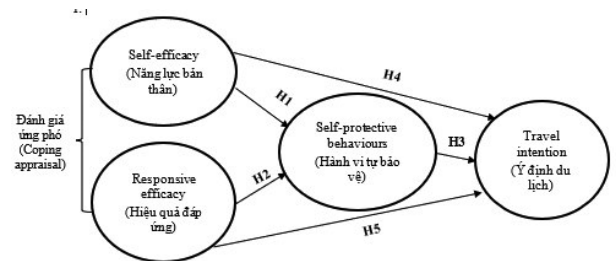
*Thứ ba*, một số nghiên cứu về rủi ro trong du lịch gần đây đã thêm hai biến số vào thuyết PMT là năng lực bản thân (Law, 2006) và lợi ích (Defranco & Morosan, 2017). Một số nghiên cứu đã kiểm định mối quan hệ giữa các biến này với trong thuyết PMT (Fisher & cs., 2018; Horng & cs., 2014) và phát hiện ra rằng chỉ có đánh giá ứng phó mới liên quan đến hành vi tự bảo vệ của du khách trong khi đi du lịch, còn các đánh giá về mối đe dọa dường như không liên quan.

Do đó, trong nghiên cứu này, tác giả muốn làm rõ các mối quan hệ giữa đánh giá ứng phó (bao gồm hiệu quả đáp ứng và năng lực bản thân) tới đến hành vi tự bảo vệ và ý định đi du lịch của của du khách nội địa trong bối cảnh bình thường mới.

### 3. Phương pháp nghiên cứu

#### 3.1. Mô hình nghiên cứu

Dựa vào thuyết động cơ bảo vệ và lý thuyết về hành vi tự bảo vệ, tác giả đã xây dựng mô hình nghiên cứu mối quan hệ giữa đánh giá ứng phó, hành vi tự bảo vệ và ý định du lịch của du khách nội địa trong bối cảnh bình thường mới ở thành phố Cần Thơ như ở Hình 1.



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

PMT được coi là một lý thuyết mạnh mẽ có thể giải thích và dự đoán các hành vi bảo vệ của cá nhân khi đối mặt với các rủi ro về sức khỏe (Wang & cs., 2019). Một số học giả đã áp dụng PMT trong bối cảnh du lịch để khám phá hành vi tự bảo vệ của khách du lịch trước các khủng hoảng sức khỏe tiềm ẩn trong hoạt động du lịch. Ví dụ, khách du lịch sẽ tránh đến một số điểm đến nếu họ nhận thấy những rủi ro và mối đe dọa về an toàn ở điểm đến (Law, 2006; Sönmez & Graefe, 2016; Wang & cs., 2019). Pappas (2021) đã điều tra các hành vi tự bảo vệ của khách du lịch Úc đối với việc đi du lịch đến các điểm đến châu Á dưới sự đe dọa của bệnh đại bằng cách áp dụng PMT. Một nghiên cứu khác cho thấy ý định hành vi bảo vệ của khách du lịch quốc tế liên quan đến mối đe dọa ô nhiễm khói bụi ở Trung Quốc bằng cách áp dụng mô hình PMT mở rộng (Ruan & cs., 2020). Kết quả chỉ ra rằng nhận thức về mức độ nghiêm trọng và tính dễ bị tổn thương phổ biến nhất trong việc ảnh hưởng đến hành vi bảo vệ của khách du lịch và nhận thức được sự hỗ trợ của chính phủ có thể làm giảm đáng kể mối lo ngại của khách du lịch và cuối cùng là hành vi bảo vệ của họ. Các hành động bảo vệ sức khỏe cá nhân bị ảnh hưởng bởi nhận thức về rủi ro của Covid-19 có thể dẫn đến du lịch “không tiếp xúc”, đề cập đến xu hướng hành vi nhằm giảm thiểu tiếp xúc trực tiếp với người khác (Bae & Chang, 2021). Zheng & cs. (2021) tích hợp PMT, lý thuyết ứng phó và khả năng phục hồi để tiết lộ rằng nỗi sợ hãi khi đi du lịch có thể gợi ra các chiến lược ứng phó khác nhau trước mối đe dọa của Covid-19.

Ngoài ra, các nghiên cứu của Scholz và Freund (2021); Guo & cs. (2023) và nghiên cứu của Grano & cs. (2022) cho thấy có mối quan hệ giữa năng lực bản thân với hành vi tự bảo vệ và năng lực bản thân cũng có ảnh hưởng đến ý định đi du lịch của du khách (Nguyen & cs., 2021; Su & cs., 2022). Các nghiên cứu khác cũng cho thấy có sự liên hệ giữa hiệu quả đáp ứng với hành vi tự bảo vệ của du khách trong rủi ro (Liu & cs., 2016; Wang & cs., 2019) và ý định đi du lịch. Một số nghiên cứu khác cũng đã chỉ ra hành vi tự bảo vệ và ý định đi du lịch có liên quan chặt chẽ với nhau (Zheng & cs., 2021; Gupta & cs., 2021).

Trong nghiên cứu này, chúng tôi xem xét sự tác động của đánh giá ứng phó và hành vi tự bảo vệ của khách du lịch đến ý định đi du lịch của du khách ở Cần Thơ dưới sự đe dọa của đại dịch Covid-19. Đồng thời, dựa trên các nghiên cứu trước đây, các giả thuyết được đặt ra là:

*H1: Năng lực bản thân tác động cùng chiều đến hành vi tự bảo vệ của du khách nội địa trong bối cảnh bình thường mới ở Cần Thơ.*

*H2: Hiệu quả đáp ứng tác động cùng chiều đến hành vi tự bảo vệ của du khách nội địa trong bối cảnh bình thường mới ở Cần Thơ.*

*H3: Hành vi tự bảo vệ tác động cùng chiều đến ý định du lịch của du khách trong bối cảnh bình thường mới ở Cần Thơ.*

*H4: Năng lực bản thân tác động cùng chiều đến ý định đi du lịch của du khách nội địa trong bối cảnh bình thường mới ở Cần Thơ.*

*H5: Hiệu quả đáp ứng tác động cùng chiều đến ý định du lịch của du khách nội địa trong bối cảnh bình thường mới ở Cần Thơ.*

### **3.2. Mẫu nghiên cứu**

Trong nghiên cứu này nguồn số liệu thứ cấp được thu thập từ các báo cáo của các sở, ban ngành (Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam, Hiệp hội Du lịch thành phố Cần Thơ) và những nguồn cơ sở dữ liệu có liên quan (các bài báo khoa học, tạp chí nghiên cứu) để thiết kế thang đo nghiên cứu. Nguồn số liệu sơ cấp được thu thập bằng cách khảo sát khách du lịch nội địa có ý định đến Cần Thơ trong giai đoạn bình thường mới (hậu Covid-19) từ tháng 08/2022 đến tháng 12/2022.

- Chọn mẫu điều tra: Phương pháp chọn mẫu thuận tiện được sử dụng xuất phát từ những khó khăn trong việc tiếp cận danh sách tổng thể, cũng như khó khăn trong quá trình thu thập dữ liệu thực tế.

- Số lượng mẫu điều tra: Nghiên cứu sử dụng mô hình phương trình cấu trúc dựa trên hiệp phương sai CB-SEM (Covariance-Based Structural Equation Modeling) nhằm kiểm định các giả thuyết nghiên cứu đề xuất. Theo Hair & cs. (2014) cỡ mẫu tối thiểu đối của nghiên cứu phụ thuộc vào mức độ phức tạp của mô hình, theo đó cỡ mẫu tối thiểu là 200. Nghiên cứu sử dụng bảng câu hỏi trực tuyến (Google Form) và trực tiếp để thu thập ý kiến các đối tượng khảo sát. Kết quả thu về 315 bảng khảo sát hợp lệ, đảm bảo cỡ mẫu tối thiểu cho phân tích mô hình cấu trúc dự kiến.

### **3.3. Công cụ và thang đo nghiên cứu**

Bảng hỏi là công cụ khảo sát chính nhằm xác định mối quan hệ giữa các biến trong mô hình. Bảng hỏi được thiết kế với hai phần chính: Phần 1 đo lường các yếu tố ảnh hưởng đến ý định đi du lịch của du khách nội địa, sử dụng thang đo Likert 5 điểm từ 1 (Hoàn toàn không đồng ý) đến 5 (Hoàn toàn đồng ý). Phần 2 của bảng khảo sát được sử dụng để thu thập các thông tin cá nhân liên quan đến các yếu tố nhân khẩu học của mẫu điều tra bao gồm độ tuổi, giới tính, trình độ học vấn, nghề nghiệp và thu nhập. Bảng hỏi được thiết kế dựa các tiêu chí trong khung nghiên cứu.

Thang đo nghiên cứu được phát triển dựa vào các nghiên cứu trước đây và hiệu chỉnh phù hợp với bối cảnh nghiên cứu. Thang đo về năng lực bản thân bao gồm 4 biến được hiệu chỉnh từ các nghiên cứu của Fisher & cs. (2018); Horng & cs. (2014); Zheng & cs. (2021); Qiao & cs. (2022). Thang đo về hiệu quả đáp ứng bao gồm 5 biến được điều chỉnh từ nghiên cứu của Fisher & cs. (2018); Horng & cs. (2014); Zheng & cs. (2021); Qiao & cs. (2022). Thang đo về hành vi tự bảo vệ bao gồm 4 biến được điều chỉnh từ nghiên cứu Fisher & cs. (2018); Horng & cs. (2014); Zheng & cs. (2021). Thang đo ý định hành vi đi du lịch bao gồm 4 biến được điều chỉnh từ nghiên cứu của Hung và James (2012); Bae và Chang (2021); Pappas (2021).

**Bảng 1. Thang đo nghiên cứu**

Mã biến	Nội dung	Được điều chỉnh và kế thừa từ các nghiên cứu trước
<b>(1) Năng lực bản thân (Self-efficacy)</b>		
NL1	Tôi dễ dàng thực hiện các biện pháp để ngăn ngừa nhiễm Covid-19 trong bối cảnh bình thường mới	
NL2	Tôi có các kỹ năng và thiết bị cần thiết để bảo vệ mình khỏi bị lây nhiễm bởi Covid-19 trong bối cảnh bình thường mới	Fisher & cs. (2018); Horng & cs. (2014); Zheng & cs. (2021); Qiao & cs. (2022)
NL3	Kỹ năng của tôi và thiết bị cần thiết là đủ để ngăn chặn sự lây nhiễm Covid-19	
NL4	Tôi có thể học cách thực hiện các biện pháp phòng ngừa để bảo vệ mình khỏi bị lây nhiễm bởi Covid-19 trong bối cảnh bình thường mới	
<b>(2) Hiệu quả đáp ứng (Responsive efficacy)</b>		
HQ1	Các nỗ lực để giữ an toàn trước các mối đe dọa Covid-19 trong bối cảnh bình thường mới đang có hiệu quả	Fisher & cs. (2018); Horng & cs. (2014); Zheng & cs. (2021); Qiao & cs. (2022).
HQ2	Các biện pháp hiện có để bảo vệ bản thân khỏi bị lây nhiễm bởi Covid-19 trong bối cảnh bình thường mới có hiệu quả	
HQ3	Các biện pháp có thể được thực hiện để ngăn khách du lịch không bị nhiễm Covid-19 trong bối cảnh bình thường mới là đầy đủ	
HQ4	Các biện pháp phòng ngừa để ngăn chặn khách du lịch bị nhiễm Covid-19 là đầy đủ	
HQ5	Tôi ít có khả năng tiếp xúc với mối đe dọa Covid-19 hơn nếu các biện pháp phòng ngừa được thực hiện trong bối cảnh bình thường mới	
<b>(3) Hành vi tự bảo vệ (Self-protective behaviours)</b>		
HV1	Tôi nỗ lực tự bảo vệ bản thân khỏi bị nhiễm Covid-19 khi đi du lịch trong bối cảnh bình thường mới	Fisher & cs. (2018); Horng & cs. (2014); Zheng & cs. (2021)
H2	Tôi tham gia vào các hoạt động bảo vệ bản thân khỏi bị nhiễm Covid-19 trong bối cảnh bình thường mới	
H3	Tôi sử dụng các dịch vụ hạn chế lây nhiễm Covid-19 trong bối cảnh bình thường mới	
HV4	Tôi tuân thủ các chính sách để bảo vệ bản thân khỏi bị nhiễm trong bối cảnh bình thường mới	
<b>(4) Ý định đi du lịch (Travel intention)</b>		
YD1	Bối cảnh bình thường mới ảnh hưởng đến ý định của tôi cho việc đi du lịch tại thời điểm hiện tại	Hung và James (2012); Bae và Chang (2021); Pappas (2021)
YD2	Bối cảnh bình thường mới ảnh hưởng đến ý định của tôi cho việc đi du lịch trong 01 năm tới	
YD3	Trong bối cảnh bình thường mới, tôi sẽ khuyến khích bạn bè, người thân đi du lịch	
YD4	Bối cảnh bình thường mới đã có tác động lớn hơn đến ý định đi du lịch của tôi so với suy thoái kinh tế	

*Nguồn: Nhóm nghiên cứu tổng hợp (2023).*

### 3.4. Phương pháp xử lý số liệu

Nghiên cứu sử dụng mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM - Structural Equation Modeling) để kiểm định các giả thuyết, vì có nhiều mối quan hệ tiền đề và kết quả, phù hợp với khuyến nghị của Hair & cs. (2016). Quá trình thực hiện nghiên cứu áp dụng SEM thông qua một quy trình hai bước được khuyến nghị bởi Hair & cs. (2016). Đầu tiên, phân tích nhân tố khẳng định (CFA) được thực hiện, tiếp theo là mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM). Đầu ra của mô hình đo lường được thực hiện để đánh giá độ tin cậy và giá trị của các cấu trúc nghiên cứu. Tiếp theo, phân tích

đường dẫn được thực hiện để đánh giá các tiêu chí phù hợp của mô hình so với các giá trị được khuyến nghị và kiểm định các giả thuyết nghiên cứu (Fornell & Larcker, 1981; Hair & cs., 2010).

## 4. Kết quả và thảo luận

### 4.1. Cơ cấu mẫu điều tra

Để nghiên cứu về mối quan hệ giữa đánh giá ứng phó, hành vi tự bảo vệ và ý định đi du lịch trong điều kiện bình thường mới của khách du lịch nội địa khi đến Cần Thơ, tác giả đã tiến hành khảo sát trên 315 đối tượng khảo sát và kết quả như sau:

**Bảng 2. Đặc điểm của đối tượng khảo sát**

Tiêu chí		Tần số	Tỷ lệ (%)
Vùng miền	Miền Bắc	90	28,6
	Miền Trung	74	23,5
	Miền Nam	151	47,9
	<b>Tổng</b>	<b>315</b>	<b>100</b>
Giới tính	Nam	125	39,7
	Nữ	190	60,3
	<b>Tổng</b>	<b>315</b>	<b>100</b>
Độ tuổi	Dưới 25 tuổi	78	24,8
	Từ 25 - 34 tuổi	142	45,1
	Từ 35 - 45 tuổi	63	20,0
	Trên 45 tuổi	32	10,2
	<b>Tổng</b>	<b>315</b>	<b>100</b>
Nghề nghiệp	Học sinh, sinh viên	96	30,5
	Nhân viên văn phòng	32	10,2
	Cán bộ viên chức	31	9,8
	Kinh doanh tự do	141	44,8
	Nghề nghiệp khác	15	4,8
	<b>Tổng</b>	<b>315</b>	<b>100</b>
Thu nhập bình quân tháng	Còn phụ thuộc kinh tế gia đình	31	9,8
	Dưới 5 triệu đồng	63	20,0
	Từ 5 - 10 triệu đồng	94	29,8
	Trên 10 triệu đồng	127	40,3
	<b>Tổng</b>	<b>315</b>	<b>100</b>

*Nguồn: Số liệu thu thập từ điều tra của nhóm nghiên cứu (2023).*

**Về vùng miền:** Du khách nội địa đến thành phố Cần Thơ chủ yếu đến từ các khu vực miền Nam với 151/315 du khách, chiếm 47,9%. Tiếp đến là du khách đến từ miền Bắc với 28,6% và miền Trung chiếm tỷ lệ 23,5%. Số liệu này cho thấy Cần Thơ vẫn thu hút một lượng lớn du khách nội địa ở các tỉnh lân cận và dần dần trở thành một điểm đến hấp dẫn đối với các du khách ở miền Bắc và Trung.

**Về giới tính:** Trong 315 đối tượng tham gia khảo

sát, có 190 đối tượng khảo sát là nữ chiếm 60,3% và có 125 đối tượng là nam chiếm 39,7%. Nghiên cứu cho thấy đại diện mẫu giới tính nữ có xu hướng đi du lịch nhiều hơn nam.

**Về độ tuổi:** Chiếm tỷ trọng cao nhất là độ tuổi từ 25-34 tuổi chiếm 45,1%. Kế đến đối tượng có độ tuổi dưới 25 và từ 35-45 tuổi lần lượt chiếm 24,8% và 20,0%. Cuối cùng là độ tuổi trên 45 với 32 đối tượng chiếm 10,2%.



**Về nghề nghiệp:** Chiếm tỷ trọng cao nhất là nhóm kinh doanh tự do với 141 đối tượng chiếm 44,8%. Kế đến là học sinh, sinh viên với 96 đối tượng chiếm 30,5%. Nhóm nhân viên văn phòng và cán bộ viên chức lần lượt chiếm 10,2% và 9,8%. Và nhóm cuối cùng là một số ngành nghề khác chiếm tỷ trọng thấp nhất với 15 đối tượng tương ứng 4,8%.

**Về thu nhập:** Phần lớn nhóm khảo sát có thu nhập trên 10 triệu đồng chiếm tỷ trọng cao nhất với 127 đối tượng, chiếm đến 40,3%. Kế đến là nhóm có thu nhập từ 5-10 triệu đồng với tỷ lệ lần lượt 29,8% tương ứng 94 đối tượng. Kế đến là nhóm có thu nhập dưới 5 triệu đồng chiếm 20,0% và cuối cùng nhóm có kinh tế phụ thuộc chiếm tỷ lệ thấp nhất với 9,8% tương ứng 31 đối tượng.

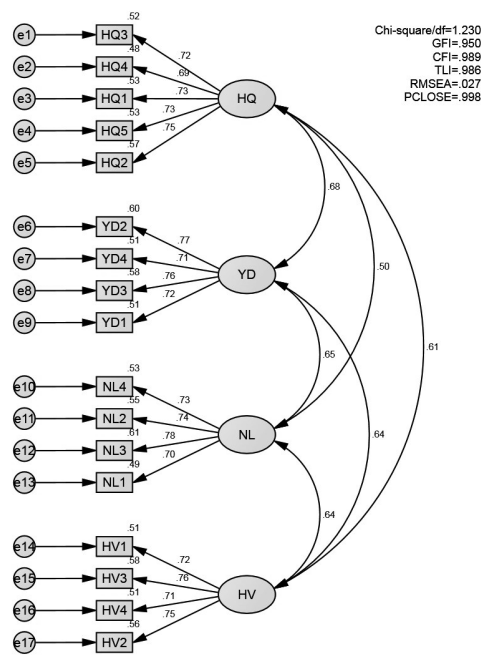
**4.2. Kiểm định độ tin cậy và giá trị thang đo**

Mô hình đo lường được đánh giá bằng cách sử dụng phân tích CFA, kết quả phân tích cho thấy mô hình phù hợp tốt:  $\chi^2/df = 1,230$ , chỉ số phù hợp tương đối (CFI) = 0,989 > 0,9, chỉ số Tucker-Lewis (TLI) = 0,986 và sai số xấp xỉ của căn bậc hai giá trị trung bình (RMSEA) = 0,027 < 0,08 (Hair & cs., 2010). Các kết quả từ mô hình đo lường cung cấp trong số cho từng biến quan sát. Kết quả cho thấy, các trọng số đều trên 0,5, như vậy các biến quan sát là thước đo tốt cho các nhân tố mà chúng tải lên. Trọng số của các biến quan sát cao hơn giới hạn được đề xuất là 0,40 (Hair & cs., 2010). Các giá trị Cronbach's Alpha và độ tin cậy tổng hợp (CR) lớn hơn giá trị được đề xuất ngưỡng 0,70 (Hair & cs., 2010). Các giá trị này cung cấp bằng chứng về độ tin cậy nội tại của các cấu trúc nghiên cứu.

Tiếp tục với các tiêu chí đánh giá, phương sai trích trung bình (AVE) của bất kỳ cấu trúc nào có giá trị trên 0,5 sẽ được xem xét (Hair & cs., 2010). Phương sai trích trung bình của các khái niệm đều lớn hơn 0,5 kết quả kiểm định trên cung cấp bằng chứng về giá trị hội tụ. Về giá trị phân biệt, được đánh giá thông qua căn bậc hai của AVE. Kết quả

cho thấy, căn bậc hai của AVE (các giá trị nằm trên đường chéo được in đậm) đều cao hơn giá trị tương quan giữa các khái niệm khác nằm ngoài đường chéo, kết quả này phù hợp với đề xuất của Fornell và Larcker (1981).

Ngoài ra, để tiếp tục phân tích độ phân biệt, nghiên cứu tiến hành so sánh mối quan hệ giữa các nhân tố với phương sai trích AVE. Kết quả phân tích cho thấy căn bậc hai AVE của mỗi nhân tố đều lớn hơn hệ số liên hệ giữa nhân tố đó với các nhân tố khác. Hay nói cách khác, hệ số tải nhân tố của từng chỉ báo đều lớn nhất trong ma trận hệ số tương quan chéo và có ý nghĩa thống kê với pvalue = 0,000. Như vậy, mẫu nghiên cứu đảm bảo độ phân biệt của các nhân tố đo lường. Ngoài ra, kiểm định hiện tượng đa cộng tuyến đều cho giá trị VIF < 5 (Hair & cs., 2014) với giá trị lớn nhất là 2,145 nên mô hình không vi phạm hiện tượng này.



**Hình 2. Kết quả phân tích nhân tố khẳng định CFA**  
 Nguồn: Số liệu thu thập từ điều tra của nhóm nghiên cứu (2023).

**Bảng 3. Kết quả đánh giá tính hội tụ, tính phân biệt của các biến**

Yếu tố	Cronbach's Alpha	Độ tin cậy tổng hợp (CR)	Phương sai trích (AVE)
Hiệu quả đáp ứng (HQ)	0,847	0,847	0,526
Năng lực bản thân (NL)	0,825	0,827	0,546
Hành vi tự bảo vệ (HV)	0,824	0,824	0,540
Ý định du lịch (YD)	0,830	0,831	0,551

Nguồn: Số liệu thu thập từ điều tra của nhóm nghiên cứu (2023).

**4.3. Kiểm định mô hình cấu trúc tuyến tính SEM**

Kết quả mô hình SEM được trình bày ở Hình 3 cho thấy mô hình có giá trị thống kê Chi bình phương = 1,230 < 3; chỉ số TLI = 0,986; CFI = 0,989; GFI = 0,950 đều lớn hơn 0,9 và RMSEA = 0,027 cho thấy mô hình phù hợp dữ liệu thực tế (Hair & cs., 2010). Các trọng số hồi quy cùng với các giá trị xác suất

được sử dụng để kiểm định giả thuyết. Kết quả cho thấy phần lớn các giả thuyết được hỗ trợ: H1: ( $\beta = 0,446, p < 0,01$ ); H2: ( $\beta = 0,383, p < 0,05$ ); H3: ( $\beta = 0,199, p < 0,05$ ); H4: ( $\beta = 0,321, p < 0,05$ ); H5: ( $\beta = 0,396, p < 0,05$ ) (Bảng 4).

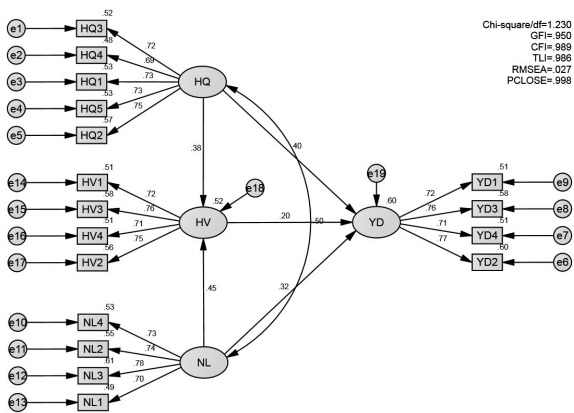
Kết quả ta thấy P-value đều nhỏ hơn 0,05 như vậy tất cả các mối tác động trong mô hình đều có ý nghĩa.

**Bảng 4. Kết quả kiểm định các giả thuyết**

Giả thuyết	Mối quan hệ	Hệ số		p-value	Kết quả
		Chưa chuẩn hoá	Chuẩn hoá		
H1	NL -> HV	0,404	0,446	0,002	Chấp nhận H1
H2	HQ -> HV	0,332	0,383	0,043	Chấp nhận H2
H3	HV -> YD	0,202	0,199	0,012	Chấp nhận H3
H4	NL -> YD	0,295	0,321	0,037	Chấp nhận H4
H5	HQ -> YD	0,347	0,396	0,017	Chấp nhận H5

Ghi chú: NL: Năng lực bản thân; HQ: Hiệu quả đáp ứng; HV: Hành vi tự bảo vệ; YD: Ý định du lịch

Nguồn: Số liệu thu thập từ điều tra của nhóm nghiên cứu (2023)



**Hình 3. Biểu đồ thể hiện kết quả mô hình cấu trúc SEM**

Nguồn: Số liệu thu thập từ điều tra của nhóm nghiên cứu (2023).

Giá trị R2 của biến phụ thuộc HV là 0,517. Như vậy, các biến độc lập tác động vào HV giải thích được 51,7% sự biến thiên của biến này. Tương tự, đối với giá trị R2 của biến phụ thuộc YD là 0,605. Như vậy, các biến độc lập tác động vào YD giải thích được 60,5% sự biến thiên của biến này.

**Bảng 5. Kết quả giá trị R bình phương**

Biến	Ước lượng
HV	0,517
YD	0,605

Nguồn: Số liệu thu thập từ điều tra của nhóm nghiên cứu (2023).

Kết quả nghiên cứu cho thấy, mô hình đề xuất của nghiên cứu này phù hợp với các lý thuyết động cơ bảo vệ và hành vi tự bảo vệ. Đồng thời, kết quả kiểm định còn chỉ ra rằng năng lực bản thân, hiệu quả đáp ứng có tác động cùng chiều đến hành vi tự bảo vệ đồng thời năng lực bản thân, hiệu quả đáp ứng và hành vi tự bảo vệ cũng có tác động cùng chiều đến ý định đi du lịch đến Cần Thơ của du khách nội địa. Như vậy, toàn bộ các giả thuyết đều được chấp nhận.

**Năng lực bản thân (NL):** Kết quả nghiên cứu cho thấy, năng lực bản thân có ảnh hưởng tích cực đến hành vi tự bảo vệ bản thân của du khách nội địa, điều này tương đồng với các nghiên cứu của các tác giả khác như Scholz (2021) và Guo & cs. (2023). Đặc biệt, kết quả này có sự tương đồng cao với nghiên cứu của Caterina Grano & cs. (2022) khi cho thấy rằng năng lực bản thân là yếu tố ảnh hưởng mạnh nhất đến hành vi tự bảo vệ của người dân khi dịch Covid-19 xảy ra. Như vậy có thể thấy, việc tuyên truyền và nâng cao tinh thần cũng như khuyến khích người dân trang bị đầy đủ các kỹ năng và thiết bị để ngăn chặn lây nhiễm Covid-19 là hết sức quan trọng. Chỉ cần người dân được trang bị và có ý thức để bảo vệ mình khỏi lây nhiễm Covid-19 thì việc đi du lịch và sự phục hồi của ngành du lịch nội địa sẽ rất khả quan. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy năng lực bản thân có ảnh hưởng tích cực đến ý định đi du lịch của du khách nội địa trong bối cảnh bình thường mới, tương

đồng với các nghiên cứu của Nguyen & cs. (2021) và Su & cs. (2022).

**Hiệu quả đáp ứng (HQ):** Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng hiệu quả đáp ứng có ảnh hưởng tích cực đến hành vi tự bảo vệ của du khách nội địa. Trong bối cảnh du lịch, mối quan hệ tích cực giữa hiệu quả đáp ứng và hành vi tự bảo vệ đã được ủng hộ rộng rãi trong các nghiên cứu về hành vi của khách (Liu & cs., 2016; Wang & cs., 2019). Một lần nữa, nghiên cứu này đã cho thấy trong bối cảnh bình thường mới của đại dịch, hiệu quả đáp ứng và hành vi tự bảo vệ có mối liên hệ với nhau. Bên cạnh đó, hiệu quả đáp ứng cũng ảnh hưởng tích cực đến ý định đi du lịch của du khách nội địa. Điều này cho thấy chỉ cần du khách có đầy đủ các biện pháp phòng ngừa lây nhiễm Covid-19, thì mức độ ảnh hưởng đến ý định đi du lịch của du khách càng lớn.

**Hành vi tự bảo vệ (HV):** Dựa trên kết quả phân tích cho thấy hành vi tự bảo vệ có ảnh hưởng tích cực đến ý định du lịch. Kết quả này ngược lại với nghiên cứu của Zheng & cs. (2021) và Gupta & cs. (2021). Các nghiên cứu trước đó nhận thấy rằng mức độ nghiêm trọng của mối đe dọa và tính dễ bị tổn thương có thể làm tăng “nỗi sợ hãi khi đi du lịch”, điều này thúc đẩy động lực bảo vệ và hành vi bảo vệ hành vi du lịch sau đại dịch. Hay nói cách khác chính hành vi tự bảo vệ bản thân góp phần ảnh hưởng đến việc “tránh” đi du lịch trong bối cảnh hậu Covid-19. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu của tác giả lại cho thấy mối quan hệ ngược lại, du khách càng có ý thức về hành vi tự bảo vệ bản thân trong bối cảnh bình thường mới thì lại càng có ý định đi du lịch trong tương lai. Điều này có thể được giải thích bởi sự cố gắng và nỗ lực của chính phủ Việt Nam trong việc ngăn ngừa và phòng chống dịch Covid-19. Các biện pháp phòng tránh, tuyên truyền nâng cao ý thức phòng chống lây nhiễm, chủ động tiêm phòng vắc xin và khai báo y tế khi đi du lịch đã giúp người dân an tâm và sẵn sàng đi du lịch.

## 5. Kết luận và hàm ý quản trị

Dựa trên Thuyết động cơ bảo vệ (PMT), Lý thuyết hành vi tự bảo vệ và Mô hình cấu trúc dựa trên hiệp phương sai (CB-SEM), nghiên cứu đã chỉ ra mối quan hệ giữa đánh giá ứng phó (năng lực bản thân và hiệu quả đáp ứng), hành vi tự bảo vệ và ý định đi du lịch của du khách nội địa. Trong khi kết quả nghiên cứu khá tương đồng với các nghiên cứu trước đó về

tác động tích cực của đánh giá ứng phó với hành vi tự bảo vệ và ý định đi du lịch của du khách trong bối cảnh hậu Covid-19 thì có một sự khác biệt về mối quan hệ giữa hành vi tự bảo vệ và ý định đi du lịch. Điều này chứng tỏ rằng, trong các điều kiện, bối cảnh và mức độ phòng chống dịch khác nhau thì hành vi của khách du lịch sẽ thay đổi và có những phản ứng khác nhau. Từ đó, một số khuyến nghị nhằm thúc đẩy hành vi đi du lịch của du khách nội địa trong tương lai bao gồm cả phía du khách, doanh nghiệp, các tổ chức du lịch và chính quyền như nâng cao nhận thức của du khách về phòng tránh dịch Covid-19 và khuyến khích du khách sử dụng các biện pháp phòng, tránh dịch an toàn trước, trong và sau khi đi du lịch sẽ giúp thúc đẩy hành vi đi du lịch của du khách và góp phần phục hồi ngành du lịch trong tương lai.

**Về phía du khách:** Mặc dù đại dịch Covid-19 đã gần như được khống chế ở Việt Nam, tuy nhiên du khách vẫn cần hết sức lưu ý đến vấn đề đảm bảo sức khoẻ và an toàn trong các chuyến đi du lịch của mình. Du khách cần trang bị đầy đủ các kỹ năng và thiết bị để ngăn chặn lây nhiễm Covid-19, nâng cao ý thức phòng chống lây nhiễm, chủ động tiêm phòng vắc xin và khai báo y tế khi đi du lịch cũng như chủ động lựa chọn các phương thức đi lại, ưu tiên tránh những nơi đông người hoặc có nguy cơ dịch bệnh cao. Bên cạnh đó, việc đeo khẩu trang, sát khuẩn và tuân thủ các quy định đảm bảo sức khoẻ cũng sẽ giúp du khách an toàn hơn khi thực hiện các chuyến đi của mình.

**Về phía các doanh nghiệp:** Với tâm lý muốn đảm bảo an toàn khi đi du lịch của du khách, các doanh nghiệp lữ hành, các đơn vị lưu trú và các đơn vị kinh doanh du lịch cần tuân thủ các chính sách đảm bảo an toàn y tế, vệ sinh thực phẩm, có các chính sách khuyến khích khách du lịch đi theo tour, tuyến, đưa ra các chương trình du lịch xanh, du lịch thiên nhiên để du khách an tâm hơn trong chuyến đi.

**Về phía chính quyền địa phương:** Cần thường xuyên tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ sức khoẻ cho khách du lịch tại các điểm du lịch, rà soát các doanh nghiệp đảm bảo các biện pháp phòng chống dịch bệnh. Các điểm du lịch cần có các phương án, bộ phận y tế theo dõi và kiểm soát, phòng chống lây nhiễm dịch bệnh. Hi vọng với các nỗ lực của cả chính quyền, doanh nghiệp và du khách, ngành du lịch sẽ sớm phục hồi trong tương lai.

**Tài liệu tham khảo**

- Al-Rasheed, M. (2020). Protective Behavior against Covid-19 among the Public in Kuwait: An Examination of the Protection Motivation Theory, Trust in Government, and Sociodemographic Factors. *Social Work in Public Health, 35*:7, 546-556.
- Arroyo-López, P., Velázquez-Martínez, J. C., & Gámez-Pérez, K. M. (2022). Past behavior as a predictor of eco-driving practices: The case of a sustained intervention in a Mexican transportation company. *International Journal of Sustainable Transportation, 16*(11), 989-1002. <https://doi.org/10.1080/15568318.2021.1959967>.
- Au, A. K. M., Ramasamy, B., & Yeung, M. C. H. (2005). The effects of SARS on the Hong Kong tourism industry: An empirical evaluation. *Asia Pacific Journal of Tourism Research, 10*(1), 85-95.
- Bae, S. Y., & Chang, P.-J. (2021). The effect of coronavirus disease-19 (Covid-19) risk perception on behavioural intention towards 'untact' tourism in South Korea during the first wave of the pandemic (March 2020). *Current Issues in Tourism, 24*(7), 1017-1035.
- Boto-García, D., & Leoni, V. (2021). Exposure to Covid-19 and travel intentions: Evidence from Spain. *Tourism Economics, 135481662199655*.
- Cahyanto, I., Wiblishauser, M., Pennington-Gray, L., & Schroeder, A., (2016). The dynamics of travel avoidance: The case of Ebola in the U.S. *Tourism Management Perspectives, Volume 20*, 195-203, ISSN 2211-9736.
- Conner, M., & Norman, P. (Eds.). (2005). *Predicting health behaviour: Research and practice with social cognition models (2<sup>nd</sup> ed.; pp. 170-222)*. Maidenhead: Open University Press.
- Defranco, A., & Morosan, C. (2017). Coping with the risk of internet connectivity in hotels: Perspectives from American consumers traveling internationally. *Tourism Management, 61*, 380-393.
- Fennell, D. A. (2017). Towards a Model of Travel Fear. *Annals of Tourism Research, 66*, 140-150.
- Fisher, J. J., Almanza, B. A., Behnke, C., Nelson, D. C., & Neal, J. (2018). Norovirus on cruise ships: Motivation for handwashing?. *International Journal of Hospitality Management, 75*, 10-17.
- Floyd, D.L., Prentice-dunn, S., & Rogers, R.W. (2000). A Meta-Analysis of Research on Protection Motivation Theory. *Journal of Applied Social Psychology, 30*: 407-429.
- Fornell, C., & Larcker, D. F. (1981). Evaluating structural equation models with unobservable variables and measurement error. *Journal of marketing research, 18*(1), 39-50.
- Gebrehiwot, T., & Veen, A. V. D. (2015). Farmers prone to drought risk: why some farmers undertake farm-level risk-reduction measures while others not? *Environment Management, 55*:588-602.
- Godovykh, M., Pizam, A., & Bahja, F. (2021). Antecedents and outcomes of health risk perceptions in tourism, following the Covid-19 pandemic. *Tourism Review, 76*(4),737- 748.
- Grano, C., Singh Solorzano, C., & Di Pucchio, A. (2022). Predictors of protective behaviours during the Italian Covid-19 pandemic: an application of protection motivation theory. *Psychology và Health, 1*-21.
- Guo, Y., Xiang, H., & Wang, Y. (2023). Understanding self-protective behaviors during Covid-19 Pandemic: Integrating the theory of planned behavior and OS-OR model. *Current Psychology, 1*-13.
- Hair, J. F., Sarstedt, M., Ringle, C. M., & Mena, J. A. (2012), An assessment of the use of partial least squares structural equation modeling in marketing research. *Journal of the academy of marketing science, 40*(3), 414-433.
- Hong, J.-S., Hu, M.-L. M., Teng, C.-C. C., & Lin, L. (2014). Energy saving and carbon reduction behaviors in tourism - A perception study of Asian visitors from a protection motivation theory perspective. *Asia Pacific Journal of Tourism Research, 19*(6), 721-735.
- Hung, K., & Petrick, J. F. (2012). Testing the effects of congruity, travel constraints, and self-efficacy on travel intentions: An alternative decision-making model. *Tourism management, 33*(4), 855-867.



- Kement, U., Çavuşoğlu, S., Demirağ, B., Durmaz, Y., & Bükey, A. (2022). Effect of perception of COVID-19 and nonpharmaceutical intervention on desire and behavioral intention in touristic travels in Turkey. *Journal of Hospitality and Tourism Insights, Vol. 5, No. 1*, 230-249. <https://doi.org/10.1108/JHTI-07-2020-0139>.
- Kuo, H. I., Chen, C. C., Tseng, W. C., Ju, L.F., & Huang, B.W. (2008). Assessing impacts of SARS and Avian Flu on international tourism demand to Asia. *Tourism Management, 29*(5), 917-928.
- Law, R. (2006). The perceived impact of risks on travel decisions. *International Journal of Tourism Research, 8*(4), 289-300.
- Li, J., Nguyen, T. H. H., & Coca-Stefaniak, J. A. (2021). Understanding post-pandemic travel behaviours - China's Golden Week. *Journal of Hospitality and Tourism Management, 49*, 84-88.
- Liu, B., Schroeder, A., Pennington-Gray, L., & Farajat, S. A. D. (2016). Source market perceptions: How risky is Jordan to travel to?. *Journal of Destination Marketing and Management, 5*(4), 294-304.
- Maddux, J. E., & Rogers, R. W. (1983). Protection motivation and self-efficacy: A revised theory of fear appeals and attitude change. *Journal of Experimental Social Psychology, 19*(5), 469-479.
- Nguyen, N. M., Pham, M. Q., & Pham, M. (2021). Public's travel intention following Covid-19 pandemic constrained: A case study in Vietnam. *The Journal of Asian Finance, Economics and Business, 8*(8), 181-189.
- Pappas, N. (2021). Covid19: Holiday intentions during a pandemic. *Tourism Management, 84*, June 2021, 104287.
- Qiao, G., Ruan, W. J., & Pabel, A. (2022). Understanding tourists' protection motivations when faced with overseas travel after Covid-19: The case of South Koreans travelling to China. *Current Issues in Tourism, 25*(10), 1588-1606.
- Rather, R. A. (2021). Demystifying the effects of perceived risk and fear on customer engagement, co-creation and revisit intention during Covid-19: A protection motivation theory approach. *Journal of Destination Marketing và Management, 20*, 100564.
- Rodriguez-Llanes, J. M., Vos, F., & Guha-Sapir, D. (2013). Measuring psychological resilience to disasters: are evidence-based indicators an achievable goal?. *Environmental Health, 12*(1). doi:10.1186/1476-069x-12-115.
- Rogers, R. W. (1975). A protection motivation theory of fear appeals and attitude change. *Journal of Psychology Interdiplinary Applied, 91*(1), 93-114.
- Ruan, W., Kang, S., & Song, H. (2020). Applying protection motivation theory to understand international tourists' behavioural intentions under the threat of air pollution: A case of Beijing, China. *Current Issues in Tourism, 23*(16), 2027-2041.
- Ryu, K., Promsivapallop, P., Kannaovakun, P., Kim, M., & Insuwanno, P., (2023). Residents' risk perceptions, willingness to accept international tourists, and self-protective behaviour during destination re-opening amidst the Covid-19 pandemic. *Current Issues in Tourism, 26*:8, 1367-1383.
- Scholz, U., & Freund, A. M. (2021). Determinants of protective behaviours during a nationwide lockdown in the wake of the COVID-19 pandemic. *British Journal of Health Psychology, 26*(3), 935-957.
- Schroeder, A., Pennington-Gray, L., Kaplanidou, K., & Zhan, F. (2013). Destination risk perceptions among U.S. residents for London as the host city of the 2012 summer Olympic games. *Tourism Management, 38*, 107-119.
- Shin, H., Nicolau, J. L., Kang, J., Sharma, A., & Lee, H. (2022). Travel decision determinants during and after Covid-19: The role of tourist trust, travel constraints, and attitudinal factors. *Tourism Management, 88*, 104428.
- Slevitch, L., & Sharma, A. (2008). Management of perceived risk in the context of destination choice. *International Journal of Hospitality và Tourism Administration, 9*(1), 85-103.
- Sönmez, S. F., & Graefe, A. R. (2016). Determining



- future travel behavior from past travel experience and perceptions of risk and safety. *Journal of Travel Research*, 37(2), 171-177.
- Stacks, D., & Michaelson, D. (2010). A practitioner's guide to public relations research, measurement and evaluation. *Business Expert Press*.
- Su, D. N., Tran, K. P. T., Nguyen, L. N. T., Thai, T. H. T., Doan, T. H. T., & Tran, V. T. (2022). Modeling behavioral intention toward traveling in times of a health-related crisis. *Journal of Vacation Marketing*, 28(2), 135-151.
- Tang, T. C., & Wong, K. N. (2009). Research Note: The SARS Epidemic and International Visitor Arrivals to Cambodia: Is the Impact Permanent or Transitory? *Tourism Economics*, 15(4), 883-890.
- Wang, J., Liu-Lastres, B., Ritchie, B. W., & Mills, D. J. (2019). Travellers' self-protections against health risks: An application of the full protection motivation theory. *Annals of Tourism Research*, 78. <https://doi.org/10.1016/j.annals.2019.102743>.
- Wang, W. C., Lin, C. H., Lu, W. B., & Lee, S. H. (2018). When destination attractiveness shifts in response to climate change: tourists' adaptation intention in Taiwan's Kenting National Park. *Current Issues in Tourism*, 1-26.
- Wen, Z., Huimin, G., & Kavanaugh, R. R. (2005). The Impacts of SARS on the Consumer Behaviour of Chinese Domestic Tourists. *Current Issues in Tourism*, 8(1), 22-38.
- Yang, E. C. L., & Nair, V. (2014). Tourism at risk: A review of risk and perceived risk in tourism. *Asia-Pacific Journal of Innovation in Hospitality and Tourism*, 3(2), 1-21.
- Zeng, B., Carter, R. W., & De Lacy, T. (2005). Short-term Perturbations and Tourism Effects: The Case of SARS in China. *Current Issues in Tourism*, 8(4), 306-322.
- Zhao, C., & Cheng, L., (2022). The influence of visitors' self-protective behaviors on social carrying capacity in museums during the Covid-19 pandemic. *Museum Management and Curatorship*, 38(5), 513-529. <https://doi.org/10.1080/09647775.2022.2132996>.
- Zheng, D., Luo, Q., & Ritchie, B. W. (2021). Afraid to travel after Covid-19? Self-protection, coping and resilience against pandemic 'travel fear'. *Tourism Management*, 83. <https://doi.org/10.1016/j.tourman.2020.104261>.